



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 3A/TĐTKT-NN

CQ Thống kê ghi

Cơ sở số:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẢNG, NHÀ NƯỚC

(Áp dụng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước không thuộc danh sách điều tra mẫu thu chi)

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

Nguyên tắc điền phiếu

- Không ghi thông tin vào các ô có dấu (x)
- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, đề nghị khoanh tròn vào một mã số tương ứng câu trả lời thích hợp nhất
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu đề nghị ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

CQ Thống kê ghi

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương.....

Huyện/ Quận (Thị xã/TP thuộc tỉnh).....

Xã/ Phường/Thị trấn.....

1. Tên cơ sở.....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Tên giao dịch (nếu có)

2. Địa chỉ của cơ sở:

Số nhà, đường phố, thôn ấp, bản.....

Số điện thoại :

Mã khu vực

--	--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--

Số fax :

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--

Email :

Họ và tên người trả lời phiếu:

Số điện thoại liên hệ:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ

A1. Thông tin về người đứng đầu cơ sở

- Họ và tên (viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

- Giới tính: 1 Nam 2 Nữ

Năm sinh

--	--	--	--

CQ Thống kê ghi

- Dân tộc

--	--

- Trình độ chuyên môn được đào tạo (Theo bằng/ giấy chứng nhận trình độ cao nhất hiện có)

1 Chưa qua đào tạo

4 Trung cấp

7 Thạc sỹ

2 Đào tạo dưới 3 tháng

5 Cao đẳng

8 Tiến sỹ

3 Sơ cấp

6 Đại học

9 Trình độ khác

A2. Mã số thuế và mã đơn vị quan hệ ngân sách

A2.1. Mã số thuế

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

A2.2. Mã đơn vị quan hệ ngân sách

--	--	--	--	--	--	--	--

A3. Ngành hoạt động chính

CQ Thống kê ghi

--	--	--	--	--	--

VSIC 2007-Cấp 5

A4. Loại hình tổ chức

Mã loại cơ sở

--	--	--	--	--	--

CQ Thống kê ghi

- 1 Cơ quan thuộc hệ thống lập pháp (Quốc hội, HĐND các cấp)
- 2 Cơ quan hành pháp (Chính phủ, Bộ/ngành, UBND các cấp và cơ sở thuộc hệ thống này)
- 3 Cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện Kiểm sát, cơ sở thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát)
- 4 Cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam
- 5 Cơ sở thuộc tổ chức chính trị - xã hội

MỤC B. LAO ĐỘNG

B1. Lao động thời điểm 01/01/2016

--	--	--	--	--	--

Người

Trong đó: Nữ

--	--	--	--	--	--

Người

B2. Lao động thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số
A	B	1
Tổng số	01	
<i>Trong đó: Nữ</i>	02	
Phân theo loại lao động		
1. Lao động thuộc biên chế hành chính	03	
<i>Trong đó: Lao động kiêm nhiệm</i>	04	
2. Lao động hợp đồng (theo ND 68/2000/ND- CP)	05	
3. Lao động hợp đồng khác	06	
Phân theo nhóm tuổi		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	07	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	08	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	09	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	10	
5. Trên 60 tuổi	11	
Phân theo trình độ chuyên môn đào tạo		
1. Chưa qua đào tạo	12	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	13	
3. Sơ cấp	14	
4. Trung cấp	15	
5. Cao đẳng	16	
6. Đại học	17	
7. Thạc sỹ	18	
8. Tiến sỹ	19	

9. Trình độ khác	20	
Phân theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp		
1. Chuyên viên cao cấp và tương đương	21	
2. Chuyên viên chính và tương đương	22	
3. Chuyên viên và tương đương	23	
4. Cán sự	24	
5. Nhân viên	25	

MỤC C. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 01/01/2016
C1. Nguyên giá tài sản cố định	01		
C2. Giá trị khấu hao trong năm	02		X
C3. Giá trị khấu hao lũy kế	03		

MỤC D. THU, CHI VÀ QUỸ LƯƠNG NĂM 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Giá trị
D1. Tổng thu (01=02+03+04+05)	01	
1. Ngân sách Nhà Nước cấp	02	
2. Thu từ hoạt động của cơ sở	03	
3. Thu từ ủng hộ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong ngoài nước	04	
4. Các khoản thu khác	05	
D2. Tổng chi (06=08+10+11)	06	
Trong đó: Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước	07	
1. Chi hoạt động	08	
Trong đó : Chi từ nguồn ngân sách Nhà nước	09	
2. Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và sửa chữa lớn TSCĐ	10	
3. Các khoản chi khác	11	
D3. Tổng thu nhập tăng thêm	12	
D4. Tổng quỹ lương (13= 14+15+16)	13	
1. Quỹ lương của lao động thuộc biên chế hành chính (theo ngạch bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp theo lương)	14	
2. Quỹ lương của lao động hợp đồng (theo ND số 68/2000/ND- CP)	15	
3. Quỹ lương của lao động hợp đồng khác	16	
D5. Thu nhập bình quân người lao động/tháng	17	
Trong đó: Tiền lương	18	

MỤC E. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

E1. Cơ sở có sử dụng máy tính phục vụ cho công việc không (Bao gồm máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)?

1 Có

2 Không

→ Chuyển câu E3

E2. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng máy tính cho công việc

 %

E3. Cơ sở có sử dụng Internet hoặc mạng máy tính khác cho công việc không (qua máy tính, điện thoại)?

1 Có

2 Không

→ Chuyển câu E5

E4. Tỷ lệ lao động thường xuyên sử dụng Internet hoặc mạng máy tính khác trong công việc (ít nhất 1 lần/tuần)

 %

E5. Cơ sở có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không?

1 Có

2 Không

Nếu có, ghi địa chỉ truy cập:

E6. Cơ sở có sử dụng Internet và mạng máy tính khác để thực hiện những công việc nào dưới đây?

(Khoanh vào các lựa chọn thích hợp)

1. Điều hành tác nghiệp

2. Gửi và nhận email

3. Tìm kiếm thông tin

4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tải tài liệu, học online)

5. Giao dịch với cơ quan, tổ chức khác (Ngân hàng, Thuế, Hải quan....)

6. Hoạt động tài chính (Internet banking.....)

7. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

1. Có → Mức độ? 1 2 3 4

(Khoanh vào một mức độ hoàn chỉnh nhất)

2. Không

8. Mục đích khác (ghi rõ).....

.....Ngàytháng....năm 2017

Người trả lời phiếu

Điều tra viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Họ và tên:.....

- Điện thoại:.....

- Ký tên:.....

Người đứng đầu cơ sở

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)